

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA

Khóa ngày: 21/11/2020; Địa điểm thi: Trung tâm NN-TH Cao đẳng Bách Khoa

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi Sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
01	20C2111.001	Nguyễn Thị Vân	Anh	26.10.1999	Nghệ An	5.2	6.0	Đạt
02	20C2111.002	Trà Thanh	Hải	28.08.1976	Quảng Nam	6.4	5.0	Đạt
03	20C2111.003	Nguyễn Tân	Cảnh	14.10.1991	Đà Nẵng	7.2	8.0	Đạt
04	20C2111.004	Võ Thành	Công	01.01.1983	Đà Nẵng	5.6	8.0	Đạt
05	20C2111.005	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	09.01.1999	Quảng Ngãi	7.2	5.0	Đạt
06	20C2111.006	Mai Xuân	Dũng	08.03.1979	Quảng Nam	7.2	5.0	Đạt
07	20C2111.007	Nguyễn Đình	Duy	27.03.1981	Đà Nẵng	8.4	8.0	Đạt
08	20C2111.008	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04.12.1997	Quảng Nam	7.2	5.0	Đạt
09	20C2111.009	Phạm Văn	Đan	12.05.1982	Thanh Hóa	6.8	5.0	Đạt
10	20C2111.010	Lê Đoàn Anh	Đào	01.04.1989	Đà Nẵng	6.4	8.0	Đạt
11	20C2111.011	Nguyễn Thị Hải	Hà	17.05.1999	Đắk Lắk	7.2	6.0	Đạt
12	20C2111.012	Phạm Thị Thu	Hà	06.06.1991	Đà Nẵng	5.6	8.0	Đạt
13	20C2111.013	Đậu Bá	Hải	08.10.1980	Hà Tĩnh	5.2	5.0	Đạt
14	20C2111.014	Nguyễn Thị Duyên	Hải	10.12.1990	Hà Tĩnh	7.6	9.0	Đạt
15	20C2111.015	Nguyễn Thị	Hằng	05.03.1984	Quảng Nam	5.6	6.0	Đạt
16	20C2111.016	Võ Thị Thu	Hằng	16.08.1999	Quảng Nam	6.8	7.0	Đạt
17	20C2111.017	Phan Văn	Hùng	22.01.1978	Đà Nẵng	6.0	5.0	Đạt
18	20C2111.018	Phan Thị Bích	Hiền	25.02.1988	Hà Tĩnh	9.6	9.0	Đạt
19	20C2111.019	Đỗ Thị	Hiếu	17.12.1982	Quảng Nam	6.4	7.0	Đạt
20	20C2111.020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	01.02.1999	Đà Nẵng	6.0	6.0	Đạt
21	20C2111.021	Lê Đình	Hòa	01.08.1985	Đà Nẵng	4.0	5.0	Không đạt
22	20C2111.022	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	16.08.1993	Gia Lai	9.6	9.0	Đạt
23	20C2111.023	Phạm Thị	Hoài	28.09.1997	Quảng Bình	5.6	8.0	Đạt
24	20C2111.024	Nguyễn Hữu	Hoàng	18.09.1983	Đà Nẵng	6.8	5.0	Đạt
25	20C2111.025	Trần Thị	Hồng	21.03.1977	Hà Tĩnh	6.4	6.0	Đạt
26	20C2111.026	Hoàng Trung	Hùng	18.07.1984	Nghệ An	6.0	5.5	Đạt
27	20C2111.027	Phan Quốc	Hùng	14.03.1987	Đà Nẵng	5.6	7.0	Đạt
28	20C2111.028	Nguyễn Thị	Huyền	15.02.1980	Thanh Hóa	6.0	5.5	Đạt
29	20C2111.029	Tôn Nữ Thanh	Huyền	1971	Thanh Hóa	5.2	5.0	Đạt
30	20C2111.030	Nguyễn Thị	Hương	15.11.1973	Thanh Hóa	6.0	5.5	Đạt
31	20C2111.031	Tạ Thị Quế	Hương	23.12.1983	Thái Bình	6.8	5.5	Đạt
32	20C2111.032	Trần Trọng Minh	Khang	25.06.1980	Quảng Nam	7.2	7.5	Đạt
33	20C2111.033	Nguyễn Thị Kim	Khánh	02.09.1990	Nghệ An	6.4	8.0	Đạt
34	20C2111.034	Trương Quốc	Khánh	02.09.1998	Đà Nẵng	5.6	6.0	Đạt
35	20C2111.035	Nguyễn Thị	Lan	18.07.1978	Quảng Trị	6.0	6.0	Đạt
36	20C2111.036	Nguyễn Hoàng	Linh	23.04.1990	Đà Nẵng	7.2	7.0	Đạt
37	20C2111.037	Trần Thị Mỹ	Linh	23.12.1999	Quảng Nam	6.4	6.0	Đạt
38	20C2111.038	Nguyễn Thị	Loan	01.09.1980	Quảng Trị	5.6	5.5	Đạt

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi Sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
39	20C2111.039	Lý Phi	Long	04.07.1981	Đà Nẵng	6.0	6.0	Đạt
40	20C2111.040	Võ Hoàng	Long	20.06.1982	Đà Nẵng	6.8	5.0	Đạt
41	20C2111.041	Võ Thành	Long	27.09.1983	Đà Nẵng	5.2	6.0	Đạt
42	20C2111.042	Nguyễn	Lộc	12.04.1989	Đà Nẵng	5.6	5.5	Đạt
43	20C2111.043	Nguyễn Đình	Luân	05.10.1988	Đà Nẵng	7.6	5.5	Đạt
44	20C2111.044	Lê Thị Khánh	Ly	02.02.1995	Đà Nẵng	6.4	7.5	Đạt
45	20C2111.045	Phan Thị Hương	Ly	19.02.1998	Nghệ An	6.0	6.0	Đạt
46	20C2111.046	Chu Thị Diễm	My	09.06.1994	Nghệ An	8.8	8.0	Đạt
47	20C2111.047	Nguyễn Văn	Nam	12.09.1975	Nam Định	6.8	6.0	Đạt
48	20C2111.048	Trần Lê	Nam	01.08.1984	Quảng Nam	5.2	7.5	Đạt
49	20C2111.049	Lê Thị	Nga	30.07.1984	Đà Nẵng	6.8	6.5	Đạt
50	20C2111.050	Phạm Thị Thu	Nga	20.01.1975	Đà Nẵng	5.2	5.0	Đạt
51	20C2111.051	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	02.06.1982	Quảng Nam	5.6	8.0	Đạt
52	20C2111.052	Hứa Thị Quỳnh	Như	01.04.1999	Quảng Nam	6.0	7.0	Đạt
53	20C2111.053	Hồ Thị	Nơ	25.07.1999	Đà Nẵng	6.4	5.0	Đạt
54	20C2111.054	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	10.02.1982	Quảng Nam	5.2	5.0	Đạt
55	20C2111.055	Hồ	Phượng	27.01.1985	Đà Nẵng	3.0	5.0	Không đạt
56	20C2111.056	Võ Thị Lan	Phượng	30.12.1982	Quảng Nam	6.8	7.0	Đạt
57	20C2111.057	Huỳnh Thị	Phượng	06.08.1990	Quảng Nam	6.4	7.0	Đạt
58	20C2111.058	Nguyễn Hữu	Quân	24.04.1988	Thanh Hóa	5.6	5.0	Đạt
59	20C2111.059	Nguyễn Văn	Quyền	10.10.1978	Đà Nẵng	6.0	5.0	Đạt
60	20C2111.060	Hứa Chấn Hạnh	Quỳnh	02.01.1981	Đà Nẵng	6.0	7.0	Đạt
61	20C2111.061	Nguyễn Ngọc	Sơn	13.10.1986	Tuyên Quang	6.4	6.0	Đạt
62	20C2111.062	Lê Nhất	Tâm	09.06.1979	Đà Nẵng	6.0	5.0	Đạt
63	20C2111.063	Võ Thị Thanh	Tâm	31.07.1988	Quảng Bình	6.8	7.0	Đạt
64	20C2111.064	Lê Văn	Tân	01.08.1973	Đà Nẵng	6.4	5.0	Đạt
65	20C2111.065	Trần Hoàng	Tân	28.09.1977	Quảng Nam	6.0	5.0	Đạt
66	20C2111.066	Lê Văn	Tây	07.05.1983	Đà Nẵng	6.8	5.0	Đạt
67	20C2111.067	Nguyễn Trung	Thành	10.10.1986	Phú Thọ	6.4	5.0	Đạt
68	20C2111.068	Nguyễn Văn	Thành	16.10.1978	Nghệ An	7.6	6.0	Đạt
69	20C2111.069	Lê Thị Phương	Thảo	05.09.1997	Quảng Nam	7.2	7.0	Đạt
70	20C2111.070	Ngô Thị Hương	Thảo	25.10.1987	Đà Nẵng	6.0	7.0	Đạt
71	20C2111.071	Phạm Thị Phương	Thảo	06.08.1999	Đà Nẵng	6.8	6.0	Đạt
72	20C2111.072	Văn Phú	Thị	09.05.1981	Đà Nẵng	5.2	7.0	Đạt
73	20C2111.073	Bùi Quang	Thiện	29.09.1978	Đà Nẵng	6.0	6.0	Đạt
74	20C2111.074	Nguyễn Hữu	Thọ	23.10.1965	TP Hồ Chí Minh	5.6	5.5	Đạt
75	20C2111.075	Nguyễn Thị	Thu	11.03.1973	Bình Định	4.8	4.0	Không đạt
76	20C2111.076	Đặng Công	Thới	27.12.1982	Đà Nẵng	5.6	5.0	Đạt
77	20C2111.077	Lê Văn	Thuận	17.03.1989	Quảng Nam	6.4	5.0	Đạt
78	20C2111.078	Nguyễn Bá	Tiến	05.07.1984	Đà Nẵng	5.2	5.0	Đạt
79	20C2111.079	Phan Trọng	Tín	15.03.1970	Đà Nẵng	6.4	5.5	Đạt
80	20C2111.080	Nguyễn Thị	Trang	03.09.1990	Vĩnh Phúc	6.0	6.0	Đạt
81	20C2111.081	Võ Thị Bích	Trâm	20.06.1998	Quảng Nam	7.6	6.0	Đạt
82	20C2111.082	Lê Anh	Tú	08.02.1982	Ninh Bình	6.4	5.0	Đạt

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi Sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
83	20C2111.083	Nguyễn Đăng	Tuân	17.07.1984	Đà Nẵng	7.6	7.0	Đạt
84	20C2111.084	Nguyễn Đình	Tuân	30.08.1991	Phú Thọ	7.6	7.0	Đạt
85	20C2111.085	Mai Xuân	Tuấn	20.12.1969	Thanh Hóa	5.2	5.0	Đạt
86	20C2111.086	Phan Đức	Tuấn	26.03.1976	Hải Phòng	6.4	5.0	Đạt
87	20C2111.087	Trần Quốc	Tuấn	03.02.1978	Nghệ An	6.0	5.5	Đạt
88	20C2111.088	Lê Thị	Tự	08.01.1991	Thanh Hóa	6.4	5.5	Đạt
89	20C2111.089	Phan Anh	Văn	19.07.1978	Đà Nẵng	8.0	5.5	Đạt
90	20C2111.090	Trịnh Thanh	Văn	21.02.1998	Quảng Nam	6.0	6.5	Đạt
91	20C2111.091	Nguyễn Phi	Việt	07.07.1977	Quảng Nam	8.0	7.0	Đạt
92	20C2111.092	Đặng Ngọc	Vinh	16.04.1984	Đà Nẵng	6.8	7.0	Đạt
93	20C2111.093	Phan Ngọc	Vinh	05.05.1967	Đà Nẵng	6.4	5.5	Đạt
94	20C2111.094	Nguyễn Quang	Vũ	24.11.1990	Đà Nẵng	6.0	6.0	Đạt
95	20C2111.095	Trần Dương	Vũ	01.02.1974	Đà Nẵng	6.4	6.0	Đạt
96	20C2111.096	Lê Đình	Vương	04.06.1981	Đà Nẵng	5.6	6.0	Đạt
97	20C2111.097	Trần Thị Kim	Yến	03.11.1975	Hà Tĩnh	7.2	7.0	Đạt
98	20C2111.227	Lê	Kỳ	03.11.1982	Đà Nẵng	7.2	7.0	Đạt
99	20C2111.228	Đinh Ngọc	Tuấn	19.04.1982	Hà Tĩnh	9.2	9.0	Đạt